



**ĐỀ THI THỬ
LẦN THỨ 3**

TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2013 * MÔN ĐỊA LÍ**

Ngày thi: 27 + 28/4/2013

Thời gian làm bài: 180 phút, không kể thời gian phát đề

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (8,0 điểm)

Câu I. (2,0 điểm)

1. Chứng minh sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên Việt Nam. Vì sao nước ta có khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm ?
2. Nêu những biểu hiện chưa hợp lý trong phân bố dân cư ở nước ta. Nguyên nhân của vấn đề này ?

Câu II. (3,0 điểm)

1. Phân tích các điều kiện tự nhiên của Biển giúp nước ta phát triển tổng hợp các hoạt động kinh tế Biển. Tại sao cần phải đặt vấn đề khai thác tổng hợp các hoạt động kinh tế Biển ?
2. Việc phát triển tổng hợp kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ so với Bắc Trung Bộ thuận lợi hơn như thế nào ?

Câu III. (3,0 điểm)

1. Dựa vào bảng số liệu dưới đây, hãy vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện quy mô, cơ cấu giá trị xuất khẩu, nhập khẩu phân theo nhóm hàng của nước ta năm 2001 và 2011

GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU PHÂN THEO NHÓM HÀNG CỦA NƯỚC TA QUA 2 NĂM

(Đơn vị : Tr USD)

	Năm	2001	2011
Xuất Khẩu	TỔNG SỐ	15029.3	94705.7
	Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản	5247.3	34500.0
	Hàng CN nhẹ và TTCN	5368.3	39093.3
	Hàng Nông - Lâm - Thủy sản	4413.7	21112.4
Nhập Khẩu	TỔNG SỐ	16217.9	104849.9
	Tư liệu sản xuất	14930.5	96749.9
	Hàng tiêu dùng	1287.4	8100.0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2011, Nhà xuất bản thống kê)

2. Rút ra nhận xét từ biểu đồ đã vẽ và giải thích cơ cấu hàng nhập khẩu của nước ta.

II. PHẦN RIÊNG (2,0 điểm)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (IV.a hoặc IV.b)

Câu IV.a. Theo chương trình Chuẩn (2,0 điểm)

1. Kể tên các tỉnh của Đồng bằng sông Cửu Long giáp biển, phân tích các thế mạnh về tự nhiên của đồng bằng này.
2. Tại sao nói nước ngọt là vấn đề quan trọng hàng đầu vào mùa khô ở Đồng bằng sông Cửu Long ?

Câu IV.b. Theo chương trình Nâng cao (2,0 điểm)

1. Chứng minh sự đa dạng trong cơ cấu ngành công nghiệp hàng tiêu dùng.
2. Tại sao công nghiệp hàng tiêu dùng được coi là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta ?

----- **Hết** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên Thí sinh:SBD:

Giám thị coi thi:

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM * ĐỀ THI THỬ LẦN 3**

Câu	Ý	Nội dung chính cần đạt	Điểm
I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (8,0 điểm)			
Câu I	1	Chứng minh sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên Việt Nam.	
		* Sự đa dạng phân hóa theo không gian: phân hóa theo chiều B – N (Phần lãnh thổ phía Bắc...Phần lãnh thổ phía N); Phân hóa theo chiều Đ – T (Từ Đ →T với 3 dải rõ rệt...); Phân hóa theo độ cao (với 3 đai cao...); Phân hóa thành 3 miền địa lí tự nhiên...	0.50
		* Biểu hiện phân hóa theo thời gian: Mùa nhiệt độ (Hạ - Đông) khá rõ từ 16 ⁰ B trở ra Bắc ...Mùa lượng mưa (mùa mưa – mùa khô) thể hiện rõ từ 16 ⁰ B trở vào Nam.	0.25
		Vì sao nước ta có khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm ?	
	2	Do quy định bởi vị trí địa lí (Nằm trong vùng nội chí tuyến BBC...Trong vùng hoạt động của gió mùa Châu Á điển hình...Giáp Biển Đông...)	0.25
		Nêu những biểu hiện chưa hợp lí trong phân bố dân cư ở nước ta.	
		- Đồng bằng với ¼ DT lãnh thổ song tập trung tới ¾ dân số, mật độ dân số cao trong khi vùng trung du, miền núi với mật độ dân số thấp lại tập trung nhiều tài nguyên quan trọng của đất nước...	0.25
		- Dân số chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn (>70%) trong khi nước ta đang đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước...	0.25
		→ Ảnh hưởng lớn đến vấn đề sử dụng lao động và khai thác tài nguyên, và mục tiêu công nghiệp hóa đất nước...	0.25
		Nguyên nhân của vấn đề này ?	
		Do chịu chi phối bởi ĐKTN (thuận lợi ở đồng bằng – Khó khăn ở miền núi); ĐK KT – XH và lịch sử để lại (nước ta xuất phát điểm là nước nông nghiệp...)	0.25
Câu II	1	Phân tích các điều kiện tự nhiên của Biển giúp nước ta phát triển tổng hợp các hoạt động kinh tế Biển.	
		- Nguồn lợi SV: biển nước ta có độ sâu trung bình, ấm quanh năm, độ muối trung bình 30 - 33 ‰. SV biển rất phong phú, nhiều loài có giá trị kinh tế cao ...trên các đảo ven bờ NTB có nhiều chim yến.	0.25
		- Tài nguyên khoáng sản: Dọc bờ biển là các cánh đồng muối...Titan có giá trị xuất khẩu, cát trắng làm thủy tinh...Vùng thềm lục địa có trữ lượng dầu, khí lớn.	0.25
		- Có nhiều vũng vịnh thuận lợi xây dựng các cảng nước sâu, tạo điều kiện phát triển GTVT biển...	0.25
		- Có nhiều bãi tắm rộng phong cảnh đẹp, khí hậu tốt...có nhiều tiềm năng phát triển du lịch Biển – Đảo...	0.25
	2	Tại sao cần phải đặt vấn đề khai thác tổng hợp các hoạt động kinh tế Biển ?	
		+ Khai thác tổng hợp mới đem lại hiệu quả cao và bảo vệ được môi trường biển...	0.25
		+ Môi trường biển không thể chia cắt nên khi bị ô nhiễm sẽ lây lan trên diện rộng...	0.25
		+ Môi trường đảo biệt lập với đất liền nên dễ bị biến động do tác động của con người...	0.25
		Việc phát triển tổng hợp kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ so với Bắc Trung Bộ có nhiều thuận lợi hơn:	
		- DHNTB có thuận lợi hơn BTB về ĐKTN vùng biển : Mức độ ảnh hưởng của gió mùa mùa đông giảm, cường độ và tần xuất của Bão giảm...	0.25
		- Hoạt động khai thác thủy sản của DH NTB với các ngư trường xa bờ giàu tiềm năng...	0.25
		- Có nhiều bãi tắm, vũng vịnh đẹp...Hình thành các trung tâm du lịch biển phát triển ...hoạt động du lịch biển quanh năm...	0.25

		- Đường bờ biển có nhiều vịnh biển kín, thuận lợi xây dựng các hải cảng lớn, cảng nước sâu → phát triển mạnh GT VT biển... - Thế mạnh vượt trội về sản xuất muối với các đồng muối lớn nhất cả nước ...	0.25																																																		
		❖ Vẽ biểu đồ: SO SÁNH QUY MÔ VÀ BÁN KÍNH BIỂU ĐỒ (tính theo 1 đơn vị) <table><tr><td></td><td>XK 2001</td><td>NK 2001</td><td>XK 2011</td><td>NK 2011</td></tr><tr><td>So sánh quy mô giá trị</td><td>1</td><td>1.08</td><td>6.3</td><td>7.0</td></tr><tr><td>So sánh bán kính biểu đồ</td><td>1</td><td>1.04</td><td>2.5</td><td>2.6</td></tr></table> CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU PHÂN THEO NHÓM HÀNG CỦA NƯỚC TA QUA 2 NĂM (%) <table><tr><td colspan="2"></td><td>Năm</td><td>2001</td><td>2011</td></tr><tr><td rowspan="4">Xuất Khẩu</td><td>TỔNG SỐ</td><td></td><td>100</td><td>100</td></tr><tr><td>Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản</td><td></td><td>34.9</td><td>36.4</td></tr><tr><td>Hàng CN nhẹ và TTCN</td><td></td><td>35.7</td><td>41.3</td></tr><tr><td>Hàng Nông - Lâm - Thủy sản</td><td></td><td>29.4</td><td>22.3</td></tr><tr><td rowspan="3">Nhập Khẩu</td><td>TỔNG SỐ</td><td></td><td>100</td><td>100</td></tr><tr><td>Tư liệu sản xuất</td><td></td><td>92.0</td><td>92.3</td></tr><tr><td>Hàng tiêu dùng</td><td></td><td>8.0</td><td>7.7</td></tr></table>		XK 2001	NK 2001	XK 2011	NK 2011	So sánh quy mô giá trị	1	1.08	6.3	7.0	So sánh bán kính biểu đồ	1	1.04	2.5	2.6			Năm	2001	2011	Xuất Khẩu	TỔNG SỐ		100	100	Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản		34.9	36.4	Hàng CN nhẹ và TTCN		35.7	41.3	Hàng Nông - Lâm - Thủy sản		29.4	22.3	Nhập Khẩu	TỔNG SỐ		100	100	Tư liệu sản xuất		92.0	92.3	Hàng tiêu dùng		8.0	7.7	0.25
	XK 2001	NK 2001	XK 2011	NK 2011																																																	
So sánh quy mô giá trị	1	1.08	6.3	7.0																																																	
So sánh bán kính biểu đồ	1	1.04	2.5	2.6																																																	
		Năm	2001	2011																																																	
Xuất Khẩu	TỔNG SỐ		100	100																																																	
	Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản		34.9	36.4																																																	
	Hàng CN nhẹ và TTCN		35.7	41.3																																																	
	Hàng Nông - Lâm - Thủy sản		29.4	22.3																																																	
Nhập Khẩu	TỔNG SỐ		100	100																																																	
	Tư liệu sản xuất		92.0	92.3																																																	
	Hàng tiêu dùng		8.0	7.7																																																	
Câu III	1	QUY MÔ, CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU PHÂN THEO NHÓM HÀNG CỦA NƯỚC TA QUA 2 NĂM 2001 2011 ■ CN nặng và khoáng sản ■ Tư liệu sản xuất ■ Hàng CN nhẹ và TTCN ■ Hàng tiêu dùng ■ Hàng Nông - Lâm - Thủy sản Xuất khẩu Nhập khẩu	0.50																																																		
		❖ Nhận xét từ biểu đồ đã vẽ - Giá trị xuất, giá trị nhập và tổng giá trị xuất nhập khẩu của nước ta tăng...d/c... - Cán cân xuất nhập khẩu vẫn nghiêng về nhập siêu... - Về cơ cấu hàng xuất khẩu có sự thay đổi tỉ trọng: nhóm hàng CN nhẹ và tiểu thủ CN giữ vững vị trí số 1 và tăng tỉ trọng... nhóm hàng CN nặng và khoáng sản ở vị trí số 2 và cũng tăng tỉ trọng...nhóm hàng N – L – TS giảm tỉ trọng... - Về cơ cấu hàng nhập khẩu không thay đổi với ưu thế tỉ trọng nhập tư liệu sản xuất...	1.00																																																		
	2	❖ Cơ cấu hàng nhập khẩu của nước ta chủ yếu ưu tiên nhập tư liệu sản xuất >90% là do nước ta đang huy động mọi nguồn lực để thúc đẩy sản xuất trong khi nguồn lực trong nước chưa đáp ứng được → phải nhập nhiều máy móc, thiết bị, TLSX...	0.25																																																		

II. PHẦN RIÊNG (2,0điểm)		
Câu IV	Câu IV.a. Theo chương trình Chuẩn (2,0 điểm)	
	* Các tỉnh của Đồng bằng sông Cửu Long giáp biển: Kiên Giang; Cà Mau; Bạc Liêu; Sóc Trăng; Trà Vinh; Bến Tre; Tiền Giang.	0.25
	* Các thế mạnh về tự nhiên của ĐB SCL:	
	- Là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước (gần 4 triệu ha, gấp 3 diện tích ĐBSH). Đất đai màu mỡ, đặc biệt là 1,2 triệu ha đất phù sa ngọt ven sông.	0.25
	- Khí hậu có nhiệt, ẩm dồi dào; thời tiết ổn định, ít thiên tai.	0.25
	- Sông ngòi, kênh rạch dày đặc: giá trị về tưới nước, giao thông, nuôi trồng thủy sản.	0.25
	- Sinh vật phong phú, đa dạng (rừng ngập mặn, rừng tràm; ngư trường Cà Mau–Kiên Giang...)	0.25
	- Khoáng sản: Than bùn (bán đảo Cà Mau), đá vôi (Kiên Giang), dầu khí ở thềm lục địa	0.25
	*Nước ngọt là vấn đề quan trọng hàng đầu vào mùa khô ở Đồng bằng sông Cửu Long vì:	
	- Với tính chất khí hậu cận XĐ, ĐB SCL có một mùa khô sâu sắc, nước mặn xâm nhập sâu, nhiều vùng trũng, tù bốc phèn...ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống người dân...	0.25
	- Đáp ứng nhu cầu nước ngọt vào mùa khô bằng nhiều cách...sẽ giúp cho vùng khai thác hiệu quả tài nguyên (đặc biệt là tài nguyên đất...)	0.25
	Câu IV.b. Theo chương trình Nâng cao (2,0 điểm)	
	1. Sự đa dạng trong cơ cấu ngành công nghiệp hàng tiêu dùng	
	- Công nghiệp dệt, may (Ngành dệt, ngành may) - Công nghiệp da – giày (SX giày, dép da; Giày vải; Da mềm...) - Công nghiệp giấy – In – Văn phòng phẩm...	0.50
	2.Công nghiệp hàng tiêu dùng được coi là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta	
	* Là ngành có thế mạnh lâu dài: Lợi thế về nguồn lao động dồi dào, thị trường trong và ngoài nước ngày càng mở rộng, phù hợp với nguồn lực đầu tư (đầu tư vốn ít, quay vòng nhanh), nhận được các chính sách ưu tiên, đầu tư phát triển của Nhà nước...	0.50
	* Là ngành đạt được hiệu quả cao về các mặt: Kinh tế (với nhiều mặt hàng XK chủ lực thu ngoại tệ cao...). Về mặt xã hội (tạo việc làm, tăng thu nhập ...)	0.50
	* Thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành: Thương mại (Nội thương, Ngoại thương); Nông nghiệp, các ngành CN - DV khác...	0.50

-----**Hết**-----